

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 28/6/2021.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Mai**

2. Ông: **Nguyễn Doãn Ước**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tráng** là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Đức L**, sinh năm: 1964; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1969; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn ông **Trần Đức L** trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông và bà **Lê Thị N** kết hôn với nhau vào ngày 10 tháng 4 năm 1990 do hai bên tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Tình cảm vợ chồng là không còn, ông **Trần Đức L** đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà **Lê Thị N**.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung là: **Trần Đức A**, sinh ngày 11/12/1991; **Trần Đức N**, sinh ngày 05/10/1992 và **Trần Đức T**, sinh ngày 25/10/1995. Hiện nay cả 03 người con đã trên 18 tuổi, trưởng thành và đã có gia đình

riêng, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ: Ông Trần Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Lê Thị N: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập lần thứ 01, lần thứ 02; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ 01, lần thứ 02; Quyết định đưa xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Lê Thị N nhưng bà không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử không công nhận ông Trần Đức L và bà Lê Thị N là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Hiện nay cả 03 người con đã trên 18 tuổi, trưởng thành và đã có gia đình riêng, ông Trần Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Ông Trần Đức L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án thuộc tròng hợp Tòa án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn có tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 15/6/2021 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng do bị đơn bà Lê Thị N vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho bị đơn bà Lê Thị N. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức L và bà Lê Thị N sống chung với

nhau vào ngày 10 tháng 4 năm 1990, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi tổ chức đám cưới thì ông Trần Đức L và bà Lê Thị N sống chung hạnh phúc được một thời gian đầu, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau.

Kết quả xác minh tại UBND xã H, huyện TC là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Trần Đức L và bà Lê Thị N; kết quả xác minh tại UBND xã TM, huyện TC là nguyên quán của bà Lê Thị N và kết quả xác minh tại Phòng Tư pháp UBND huyện Thanh Chương đều thể hiện là ông Trần Đức L và bà Lê Thị N không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Xét thấy lời khai của ông Trần Đức L là có căn cứ, phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã HL; kết quả xác minh tại UBND xã TM, huyện TC và kết quả xác minh tại Phòng tư pháp UBND huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Về quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Đức L và bà Lê Thị N là không hợp pháp, không được đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay ông Trần Đức L xin ly hôn bà Lê Thị N do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xử không công nhận ông Trần Đức L và bà Lê Thị N là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung gồm anh Trần Đức A, sinh ngày 11/12/1991; Trần Đức N, sinh ngày 05/10/1992 và Trần Đức T, sinh ngày 25/10/1995. Hiện nay cả 03 người con đã trên 18 tuổi, trưởng thành và đã có gia đình riêng, ông Trần Đức L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Trần Đức L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Đức L và bà Lê Thị N là vợ chồng.

Về án phí: Ông Trần Đức L phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) theo biên lai số 0004634 ngày 25/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã TM;
- UBND xã H
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

